

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HS-ST  
Ngày: 21-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn T**, sinh năm 1984 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**; nơi sinh sống: **khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị H**; có vợ là **Thái Thị Mỹ N** và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 4 năm 2024 và tạm giữ, đến ngày 12 tháng 4 năm 2024 tạm giam, có mặt.

2. **Võ Văn H1**, sinh năm 1998 tại Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; nơi sinh sống: **khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ T1** và bà **Trần Thị Đ1**; tiền án: không; tiền sự: ngày 05 tháng 12 năm 2023, **Công an xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** xử phạt hành chính **Võ Văn H1** 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc trái phép”; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 4 năm 2024 và tạm giữ, đến ngày 12 tháng 4 năm 2024 tạm giam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1970; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

2. Ông Đỗ Ngọc R, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi sinh sống: khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trần Văn T và Võ Văn H1 quen biết nhau được khoảng 02-03 tuần do cùng làm thuê tại công trình Công ty H2 trong Khu Công nghiệp B và ở trọ tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Cả hai đều sử dụng ma túy tổng hợp (dạng đá).

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02 tháng 4 năm 2024, trong lúc đang làm cùng tại công trình Công ty H2, T rủ H1 góp tiền mua ma túy và cùng đi mua ma túy về sử dụng chung, H1 đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H1 đưa cho T 50.000 đồng để góp tiền mua ma túy và H1 nói với T mua bao nhiêu thì T bỏ thêm tiền. T đồng ý và giữ 50.000 đồng mà H1 đưa. T và H1 thống nhất, sau khi tan ca về phòng trọ tắm rửa xong sẽ cùng đi mua ma túy. Sau khi về phòng trọ, T góp thêm 350.000 đồng cộng với 50.000 đồng của H1 để đi mua ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển xe mô tô biển số 60B8-133.05 đến phòng trọ đón T. T điều khiển xe mô tô 60B8-133.05 chở H1 đến khu vực Cầu P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (chưa xác định địa chỉ cụ thể) để mua ma túy. Khi đến con hẻm gần Cầu P, T kêu H1 đợi ở đầu hẻm. T đi bộ vào khoảng 20m và đợi khoảng 05-07 phút thì có một người phụ nữ tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ) đến hỏi “lấy đồ phải không”, T trả lời “phải” thì Q kêu T đưa tiền. T đưa cho Q số tiền 400.000 đồng và đợi khoảng 05 phút thì người phụ nữ này quay lại đưa cho T một gói ma túy đựng trong túi nilon miệng kéo dính. T nhận ma túy xong đi ra chỗ H1 đứng đợi và cho H1 nhìn thấy gói ma túy vừa mua được rồi lên xe H1 chở về huyện B. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T và H1 về đến đoạn đường NC, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an đang đi tuần tra dừng phương tiện để kiểm tra, phát hiện thu giữ 01 túi nilon miệng kéo dính chứa ma túy đá T đang cất giữ trong ống tay áo bên trái. Lực lượng công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và H1. Công an thị trấn L tiếp nhận ban đầu, sau đó thông báo đến Công an huyện B tiến hành thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà M và ông R vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03 tháng 4 năm 2024 (bút lục số 06 và 07), Công an thị trấn L đã thu giữ: 01 túi nilon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng (nghỉ là ma túy) và 01 xe mô tô biển số: 60B8-133.05.

Theo Kết luận giám định 1789/KL-KTHS(MT) ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận (bút lục số 48): Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,4204 gam.

Đối với 0,3832 gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD biển số 60B8-133.05: qua xác minh do bà M đứng tên chủ sở hữu. Bà M khai chiếc xe này do bà mua năm 2011, năm 2019 bà cho con rể là ông R để ông R đi làm công trình. Ông R xác nhận được bà M cho chiếc xe này và ông R là quản lý của bị cáo H1 và T. Từ tháng 02 năm 2024, ông R đã đăng ký xe này đi lại trong công trình HPE và giao cho bị cáo H1 để đi lại trong công trình. Ngày 02 tháng 4 năm 2024, bị cáo H1 sử dụng xe này đi làm trong công trình như thường ngày. Ông R không biết bị cáo H1 và T dùng xe đi mua ma túy nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 01 tháng 7 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trả xe này cho ông R.

Đối với đối tượng tên Q bán ma túy cho T và H1, Cơ quan điều tra đang xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà M và ông R vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 81/CT-VKSNDDBB ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Trần Văn T và Võ Văn H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về mức hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo H1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 0,3832 gam loại Methamphetamine là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo **T** và bị cáo **H1** không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo **T**: bị cáo đã sai, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Bị cáo **H1**: bị cáo đã sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### [1] Về tố tụng

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **M** và ông **R** vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng **D** bản và Chỉ bản của các bị cáo do Cơ quan điều tra **Công an huyện B** thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của **D** bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng **Bộ C** quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **T** và bị cáo **H1** khai nhận: vào hồi 00 giờ 10 phút ngày 03 tháng 4 năm 2024, khi đang đi trên **đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương**, các bị cáo đã có hành vi tàng trữ 0,4204 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Methamphetamine là chất ma túy quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Do các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là Methamphetamine có khối lượng 0,4204 gam, Cáo trạng đã truy tố các bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây nhức nhối cho mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy mà các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép Methamphetamine. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo **T** rủ bị cáo **H1** hùn tiền (bị cáo **T** 350.000 đồng, bị cáo **H1** 50.000 đồng) và cùng đi mua ma túy về sử dụng. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta; đồng thời còn ảnh hưởng đến sức khỏe của chính các bị cáo. Riêng bị cáo **H1** có 01 tiền sự do bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, đến nay lại phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; riêng bị cáo **H1** có cha, mẹ là người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng

Xe mô tô biển số 60B8-133.05 đã trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông **R**, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,3832 gam ma túy loại Methamphetamine trong 01 bì thư được niêm phong ghi số: 1789/PC09 là vật cấm tàng trữ, lưu hành.

[8] Đối tượng tên **Q** khi nào làm rõ nhân thân lai lịch sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2024.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn H1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn H1** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2024.

[2] Về xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số: 1789/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số: 433/QĐ-KTMT ngày 03/4/2024 của Cơ quan CSĐT **Công an huyện B, tỉnh Bình Dương**) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của **Trần Văn T, Võ Văn H1** (người chứng kiến), **Đoàn Nguyễn Thiện Q1** (bên giao mẫu), **Văn Khánh D1** (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng KTHS. Bên trong còn lại 0,3832 gam ma túy loại Methamphetamine (Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng).

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
- TAND tỉnh Bình Dương; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;  
- VKSND tỉnh Bình Dương;

- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**Huỳnh Kim Xuyên**